

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CHÍ LINH  
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 22 - 12 - 2020

*V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con  
khi ly hôn*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Nguyễn Kim Giang;

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Thanh Minh

2. Ông Phạm Phúc Ân

**- Thư ký phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Vân Anh - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

**- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh tham gia phiên toà:**  
Bà Đỗ Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số: 315/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2020 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/12/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Th, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Khu dân cư H, phường H, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Anh Mạc Văn T, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Khu dân cư T, phường A, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

- Người làm chứng: Chị Trần Thị G, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Khu dân cư H, phường H, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

Chị Th, anh T có mặt; chị G vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 28/9/2020, bản tự khai và ý kiến tại các buổi làm việc với Tòa án, chị Trần Thị Th trình bày: Chị và anh T đăng ký kết hôn ngày 11/8/2011 tại Ủy ban nhân dân xã A, thị xã C (nay là phường A, thành phố C) trên cơ sở tự nguyện và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống tại nhà bố mẹ anh T tại khu dân cư T, phường A. Vợ chồng chung sống được khoảng 01 tháng thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân là do vợ chồng tính cách không hợp, thường hay bất đồng quan điểm và cãi vã, xô xát. Năm 2015, chị đã bỏ ra ngoài ở riêng một thời gian. Sau đó, nghĩ Th con nên chị quay lại đoàn tụ với anh T. Đến năm 2017, sau khi chị sinh con thứ 2, vợ chồng tiếp tục xảy ra mâu thuẫn trầm trọng do bất đồng quan điểm, không tin tưởng nhau trong việc quản lý kinh tế, dẫn đến vợ chồng tiếp tục xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau. Tháng 1/2018, chị không chịu đựng được nên đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở khu dân cư H, phường H, thành phố C. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn và không thể về đoàn tụ được nên giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Mạc Thị Huyền T, sinh ngày 25/9/2011 và Mạc Công T, sinh ngày 13/11/2017. Các cháu đang do anh T trực tiếp nuôi dưỡng từ bé đến nay và được anh T quan tâm, chăm sóc tốt. Hiện tại, chị không có nhà riêng, công việc không ổn định, do vậy, chị cũng nhất trí để cháu T và cháu T cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung với anh T. Về quan hệ tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai ngày 29/10/2020 và ý kiến tại các buổi làm việc, bị đơn - anh Mạc Văn T trình bày thống nhất nội dung về thời gian, điều kiện kết hôn như lời khai của chị Th. Anh T thừa nhận trong cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn, bất đồng về vấn đề kinh tế, không tin tưởng nhau. Đầu năm 2018, chị Th tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, để lại 02 con cho anh nuôi dưỡng. Chị Th có về thăm con được 1 – 2 lần, nhưng mỗi lần về vợ chồng lại xảy ra bất đồng, không nói chuyện được với nhau, sau đó chị Th lại bỏ đi ngay. Anh thấy vợ chồng không còn tình cảm nên cũng không nín kéo. Vợ chồng sống ly thân và không quan tâm, liên lạc với nhau từ năm 2018 đến nay. Nay chị Th xin ly hôn, anh cũng không xác định được vợ chồng có về đoàn tụ được không, nhưng anh không nhất trí ly hôn vì các con còn nhỏ. Về con chung: Anh xác định vợ chồng có 02 con chung như chị Th trình bày. Các con chung đang do anh trực tiếp nuôi dưỡng từ nhỏ đến nay. Hiện tại các cháu vẫn khỏe mạnh, phát triển bình thường. Chị Th không quan tâm, nuôi dưỡng gì đối với các con. Do vậy, quan điểm của anh là đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng cả 02 con chung. Anh tự nguyện không yêu cầu chị Th phải cấp dưỡng nuôi con chung với anh. Về quan hệ tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai ngày 01/11/2020, cháu Mạc Thị Huyền T trình bày có nguyện vọng xin được ở với bố.

- Tại Biên bản ghi lời khai ngày 05/11/2020, chị Trần Thị G là em gái chị Trần Thị Th trình bày xác định: quá trình chị Th và anh T chung sống thường hay xảy ra mâu thuẫn, do vợ chồng bất đồng quan điểm, không tin tưởng nhau; nhiều lần xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau. Đầu năm 2018, sau khi chị Th sinh con thứ 2 thì vợ

chồng tiếp tục xảy ra mâu thuẫn. Chị Th đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở tại thôn H, phường H, thành phố C. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Gia đình đã khuyên bảo nhiều nhưng không được. Khi chị Th đến thăm con thì anh T và chị Th thường xuyên xảy ra cãi vã. Nay chị Th xin ly hôn, quan điểm của chị G là đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Th vì vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng và không thể về đoàn tụ được. Về con chung: Quan điểm của chị G là đề nghị Tòa án xem xét nguyện vọng của các con và ý kiến của chị Th, anh T để quyết định giao con.

- Tại biên bản xác minh với trưởng khu dân cư Trại Nẻ xác định: Đầu năm 2018, chị Th và anh T không chung sống cùng nhau. Chị Th bỏ đi đâu địa phương không xác định được. Nay chị Th xin ly hôn, quan điểm của của địa phương là đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung. Hiện tại, 02 con chung là Mạc Thị Huyền T và Mạc Công T đều do anh T trực tiếp nuôi dưỡng từ bé đến nay. Các cháu vẫn khỏe mạnh, ngoan ngoãn và phát triển bình thường. Nếu ly hôn, việc nuôi con thế nào đề nghị Tòa án xem xét nguyện vọng của vợ chồng và các con để giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa:

Chị Th, anh T giữ nguyên quan điểm như trình bày nêu trên.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử kể từ thời điểm thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng. Về đường lối giải quyết đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị Th được ly hôn anh Nguyễn Văn Tiến. Về con chung: Xử: Giao cả 02 con chung Mạc Thị Huyền T, sinh ngày 25/9/2011 và Mạc Công T, sinh ngày 13/11/2017 cho anh Mạc Văn T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung với anh T. Về quan hệ tài sản chung: Không đặt ra việc xem xét, giải quyết. Về án phí: Chị Th phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến của đương sự và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Anh Mạc Văn T đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu dân cư T, phường A, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Chị Trần Thị Th khởi kiện xin ly hôn anh Mạc Văn T và giải quyết về việc nuôi con

chung. Do vậy, đây là vụ án về ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn. Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh thụ lý giải quyết vụ án là đúng với thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Th và anh Mạc Văn T kết hôn với nhau ngày 11/8/2011 trên cơ sở tự nguyện, đảm bảo các điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A (nay là phường A). Do vậy, hôn nhân của chị Th, anh T là hợp pháp. Sau khi kết hôn một thời gian, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính cách không hợp, thường hay bất đồng quan điểm và không tin tưởng nhau trong việc quản lý kinh tế, dẫn đến vợ chồng thường hay xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau. Đầu năm 2018, vợ chồng sống ly thân và không quan tâm đến nhau. Mặc dù, anh T có quan điểm không muốn ly hôn vì con còn nhỏ, nhưng bản thân anh T cũng không xác định được vợ chồng có thể về đoàn tụ được hay không và cũng không có biện pháp và hành động thể hiện mong muốn vợ chồng về đoàn tụ. Hội đồng xét xử thấy rằng việc chị Th, anh T không Th yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc gia đình, cũng không sống chung với nhau, đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu của chị Th xin ly hôn anh T.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Mạc Thị Huyền T, sinh ngày 25/9/2011 và Mạc Công T, sinh ngày 13/11/2017. Các con chung đều do anh T trực tiếp nuôi dưỡng từ bé đến nay, được anh T quan tâm, chăm sóc, nuôi dưỡng khỏe mạnh, phát triển tốt. Cả chị Th và anh T đều xác định 02 con ở với anh T sẽ tốt cho các cháu hơn và có quan điểm đề nghị giao cả 02 con chung cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi; chị Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung với anh T. Ý kiến của chị Th, anh T là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với nguyện vọng của cháu T, cũng như điều kiện hoàn cảnh của các bên. Do vậy, cần căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận ý kiến này của chị Th và anh T.

[4] Anh T có quan điểm không đồng ý cho chị Th thăm nom con là không có cơ sở và không phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình nên không được chấp nhận. Chị Th không trực tiếp nuôi con, có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở chị Th thực hiện quyền này.

[5] Về quan hệ tài sản: Chị Th, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra việc xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Th là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và án phí dân sự sơ thẩm cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị Th được ly hôn anh Mạc Văn T.

2. Về con chung: Xử:

Giao cả 02 con chung Mạc Thị Huyền T, sinh ngày 25/9/2011 và Mạc Công T, sinh ngày 13/11/2017 cho anh Mạc Văn T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung với anh T.

Chị Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở chị Th thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Chị Trần Thị Th phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ mà chị Th đã nộp theo biên lai thu số: AA/2017/0006654 ngày 14/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Chị Th đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- VKSND thành phố Chí Linh;
- Chi cục THADS thành phố Chí Linh;
- UBND phường A (Để ghi sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Kim Giang**